

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG THCS PHẠM HỮU LẬU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện/hạnh kiểm</b>	1904	542	416	494	452
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1724 90.55%	511 94.28%	349 83.89%	457 92.51%	407 90.04%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	159 8.35%	29 5.35%	58 13.94%	27 5.47%	45 9.96%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	18 0.95%	2 0.37%	6 1.44%	10 2.02%	0 0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	1 0.18%	1 0.24%	0 0.00%	0 0.00%
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	1904	542	416	494	452
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	767 40.28%	221 40.77%	146 35.10%	231 46.76%	169 37.39%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	761 39.97%	234 43.17%	164 39.42%	180 36.44%	183 40.49%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	359 18.86%	82 15.13%	99 23.80%	78 15.79%	100 22.12%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	16 0.84%	5 0.92%	6 1.44%	5 1.01%	0 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	1904	542	416	494	452
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1894 99.47%	541 99.82%	410 98.56%	492 99.60%	451 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	661 34.72%	119 21.96%	143 34.38%	230 46.56%	169 37.39%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	359 18.86%	0 0.00%	0 0.00%	177 35.83%	182 40.27%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 0.74%	5 0.92%	4 0.96%	5 1.01%	0 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	9 0.47%	1 0.18%	5 1.20%	2 0.40%	1 0.22%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	46/38	8/9	15/9	14/14	9/6
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	54 2.84%	5 0.92%	13 3.13%	23 4.66%	13 2.88%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	0				

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Cấp huyện	14		1	2	1
2	Cấp tỉnh/thành phố	10		1		8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				0
V	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	451				451
VI	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	451				451
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	169				169 37.47%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	182				182 40.35%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	100				100 22.17%
VII	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>	0				
VIII	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	983/921	287/255	214/202	262/232	220/232
IX	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	33	8	8	9	8

Quận 7, ngày 15 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Võ Bảo Đào Diễm